

Nguồn lực sinh kế của hộ gia đình huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang

- Võ Văn Sen**

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM

- Trương Quang Hải**

- Bùi Văn Tuấn**

Viện Việt Nam học và Khoa học Phát triển, ĐHQG Hà Nội

TÓM TẮT:

Bài viết phân tích các nguồn lực sinh kế và vận dụng nghiên cứu trường hợp huyện Thoại Sơn. Kết quả xử lý số liệu nghiên cứu định lượng, thông qua khảo sát điều tra bằng bảng hỏi soạn sẵn và các nguồn tài liệu thống kê kinh tế - xã hội hằng năm đã được sử dụng để đánh giá về thực trạng và vai trò các nguồn lực sinh kế của các hộ gia đình ở huyện Thoại Sơn: nghiên cứu đặc điểm các nguồn lực (nguồn nhân lực, vốn xã hội, vốn tự nhiên, vốn vật chất và vốn tài chính), tiếp cận nguồn lực và chiến lược sinh kế. Chất lượng đời sống của người

dân đã được đánh giá qua các yếu tố chính như thu nhập, nhà ở, tiện nghi sinh hoạt, sự thay đổi mức sống và đời sống tinh thần. Trên cơ sở xác định những nhân tố thuận lợi và cản trở hộ gia đình tiếp cận các nguồn lực phát triển kinh tế hộ đã đưa ra những giải pháp nâng cao sinh kế và đảm bảo sinh kế bền vững cho cộng đồng dân cư huyện Thoại Sơn trong bối cảnh phát triển và hội nhập hiện nay. Các giải pháp chủ yếu được đề xuất là giải pháp về nguồn nhân lực, giải pháp đa dạng hóa hoạt động tạo thu nhập và giải pháp về tài chính.

Từ khóa: nguồn lực sinh kế, chất lượng cuộc sống, hộ gia đình, Thoại Sơn

1. Đặt vấn đề

Sinh kế (livelihood) bao gồm các năng lực, tài sản (các nguồn lực vật chất và xã hội) và các hoạt động cần thiết để kiếm sống. Sinh kế có thể được xem xét ở các cấp độ khác nhau, trong đó phổ biến nhất là sinh kế quy mô hộ gia đình [1].

Sinh kế cộng đồng là chủ đề đã và đang được giới nghiên cứu đặc biệt quan tâm. Trong những năm gần đây đã có nhiều thành tựu nghiên cứu lý luận và thực tiễn về sinh kế cộng đồng. Nhiều công trình nghiên cứu sinh kế gắn với các vấn đề phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu đối nghèo ở nông thôn. Điển hình như nghiên cứu của Chambers, Robert (1983) với lập luận rằng hộ gia đình có thu nhập thấp

hướng tới sinh kế bền vững thông qua việc chống lại tính dễ bị tổn thương khi gặp rủi ro và bất an bằng cách thể chấp cả tài sản hữu hình và tài sản vô hình [2]. Hay Cục Phát triển Quốc tế Vương quốc Anh (DFID) và tổ chức CARE Quốc tế đã phát triển khung lý thuyết về sinh kế, sinh kế bền vững. Dựa trên khung lý thuyết này, rất nhiều các nghiên cứu đã được triển khai và mở rộng các khung lý thuyết cho sinh kế nông thôn. Các chính sách để xác định sinh kế cho cộng đồng dân cư theo hướng bền vững được xác định liên quan chặt chẽ đến bối cảnh kinh tế vĩ mô và liên quan đến các yếu tố bên ngoài. Tiêu biểu cho hướng này là nghiên cứu của Ellis (2000), trong đó chỉ ra mức độ quan hệ của tăng trưởng kinh tế với

cơ hội sinh kế và cải thiện đời sống của người dân. Đồng thời nhấn mạnh vai trò của thể chế, chính sách cũng như các mối liên hệ và hỗ trợ xã hội đối với cải thiện sinh kế và xóa đói giảm nghèo. Sự bền vững của sinh kế phụ thuộc vào nhiều yếu tố như: khả năng trang bị nguồn vốn, trình độ lao động, các mối quan hệ trong cộng đồng, chính sách phát triển sinh kế [3]... Mỗi công trình lại có một hướng tiếp cận nghiên cứu riêng, những kết quả nghiên cứu tập hợp lại tạo thành một bức tranh đa dạng và phong phú về vấn đề sinh kế cộng đồng trong quá trình phát triển, có ý nghĩa gợi mở vấn đề, cung cấp nhiều thông tin có giá trị làm cơ sở cho việc nghiên cứu sinh kế cộng đồng ở nước ta hiện nay.

Nguồn lực là tổng thể vị trí địa lý, các nguồn tài nguyên thiên nhiên, hệ thống tài sản quốc gia, nguồn nhân lực, đường lối chính sách, vốn và thị trường..., có vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của từng khu vực, mỗi quốc gia, mỗi vùng lãnh thổ nhất định. Hiểu biết và đánh giá đúng cũng như biết huy động tối đa các nguồn lực sẽ thúc đẩy quá trình phát triển sinh kế của cộng đồng. Khi phân tích sinh kế cộng đồng cần tập trung làm rõ đặc điểm của 5 loại nguồn lực sinh kế: nguồn nhân lực, nguồn vốn vật chất, nguồn vốn xã hội, nguồn vốn tự nhiên và nguồn vốn tài chính.

Thoại Sơn nằm trong vùng đồng bằng thuộc Tứ Giác Long Xuyên, hướng Bắc giáp huyện Châu Thành, hướng Tây giáp huyện Tri Tôn tỉnh An Giang, phía Nam giáp huyện Tân Hiệp, huyện Hòn Đất của tỉnh Kiên Giang và huyện Vĩnh Thạnh, Thốt Nốt của Thành phố Cần Thơ. Tổng diện tích tự nhiên là 468,72km², có 3 thị trấn, 14 xã với tổng số 76 ấp. Dân số toàn huyện là 192.117 người, mật độ dân số 410 người/km² [4]. Trong những năm qua, nông nghiệp của huyện đã chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi, trên cơ sở quy hoạch phát triển sản xuất hợp lý, phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng và sinh thái của từng địa bàn. Nếu như trước những năm đổi mới, phần lớn diện tích đất nông nghiệp chỉ độc canh cây lúa, nhiều diện tích phải bỏ hoang do trũng thấp, nhiễm phèn, thì đến

năm 2013, nông dân đã khai thác và canh tác trên toàn bộ diện tích với trên 40.000ha. Nhiều vùng chuyên canh lúa, cây ăn trái, nuôi trồng thủy sản, mang lại hiệu quả kinh tế cao, đóng góp tích cực vào việc nâng cao mức sống người dân, xóa đói, giảm nghèo. Cùng với sự tăng trưởng kinh tế, các phương thức canh tác và mô hình sinh kế của người dân Thoại Sơn đã trải qua những thay đổi quan trọng trên nhiều khía cạnh. Trong những thập kỷ gần đây, sự chuyển dịch cơ cấu trong nông nghiệp đã trở thành một hiện tượng nổi bật của huyện. Song kinh tế nông nghiệp vẫn là thế mạnh của huyện Thoại Sơn hiện nay.

Tuy vậy, nhiều hộ gia đình ở huyện Thoại Sơn hiện nay vẫn còn gặp không ít khó khăn trong cuộc sống do những hạn chế về nguồn lực và một số nguyên nhân khách quan. Chính vì thế, nghiên cứu này sẽ đi sâu phân tích thực trạng các nguồn lực sẵn có của hộ gia đình, đồng thời xác định các nhân tố ảnh hưởng đến sinh kế của các hộ dân từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm ổn định sinh kế, nâng cao thu nhập, đảm bảo đời sống cho cộng đồng dân cư ở Thoại Sơn. Kết quả nghiên cứu là cơ sở cho việc hoạch định các chính sách có liên quan đến an sinh xã hội cho người dân ở Thoại Sơn trong bối cảnh phát triển hiện nay.

Số liệu trong bài viết được nhóm tác giả sử dụng từ kết quả khảo sát định lượng của Đề tài Hợp tác giữa Đại học Quốc gia Hà Nội và Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh với tiêu đề *“Nghiên cứu tổng hợp điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và giá trị lịch sử - văn hóa phục vụ phát triển bền vững huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang”*, mã số *QGTĐ.12.02*, được thực hiện trong tháng 5/2014, nhằm thu thập thông tin định lượng về thái độ, ý kiến, đánh giá của người dân đối với các nguồn lực sinh kế của hộ gia đình ở Thoại Sơn. Đề tài sử dụng một bảng câu hỏi, trong đó có những câu hỏi chung cho tất cả các đối tượng được khảo sát. Đồng thời, tương ứng với mỗi phân mẫu (được giả định là các nhóm mô hình sinh kế riêng biệt) sẽ có một nhóm câu hỏi riêng nhằm phát hiện và tổng kết các vấn đề nghiên cứu trên tính đa dạng

của các đặc trưng của từng nhóm xã hội. Phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên phân tầng theo địa bàn được đề tài sử dụng nhằm bảo đảm rằng các nhóm dân số chủ yếu đều có mặt trong mẫu. Trong nghiên cứu này, mẫu nghiên cứu có dung lượng cỡ 360 hộ gia đình. Nghiên cứu sử dụng phần mềm SPSS để hỗ trợ trong việc phân tích số liệu điều tra.

2. Phân tích các nguồn lực sinh kế hộ gia đình ở huyện Thoại Sơn

Nguồn nhân lực: Nguồn nhân lực là một yếu tố quan trọng trong việc lựa chọn sinh kế cho người dân bởi lẽ trong bất kỳ loại hình sản xuất nào yếu tố con người luôn là sự quan tâm hàng đầu. Con người là trung tâm, là nguồn vốn để tạo ra của cải vật chất, chính con người quyết định nên hình thức lao động. Yếu tố con người trong sản xuất cũng được đánh giá bởi nhiều khía cạnh: độ tuổi, trình độ, số lượng lao động, kỹ năng và năng suất lao động,...

Theo kết quả điều tra xã hội học, các xã thuộc huyện Thoại Sơn có nguồn lao động dồi dào, đây là lực lượng tiềm năng cho sự phát triển kinh tế hộ gia đình. Đa số các gia đình chỉ có 1 hoặc 2 người là lao động chính, trong đó số lao động chính là nam thấp hơn so với lao động nữ (44,8% so với 56,9%). Ngược lại, trong những gia đình có số lao động chính từ 2 người tỷ lệ nam giới lại cao hơn so với nữ giới (35,9% so với 22,5%). Hộ gia đình có số lao động chính là nam giới từ 3 người chiếm tới (14,4%), trong khi đó số lao động chính là nữ giới có 3 người chỉ chiếm (7,5%). Tại địa phương một số hộ có lao động chính cả nam giới và nữ giới số lượng 4-5 người. Bên cạnh đó, những đối tượng chưa có việc làm vẫn phổ biến ở địa phương như: tỷ lệ hộ có 1 lao động chưa có việc làm chiếm (19,9%), 2 người là (11,8%), 3 người chiếm (3,9%). Có thể nói nguồn lao động dồi dào, đặc biệt lao động trẻ là yếu tố thuận lợi cho việc đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về kỹ thuật lao động và nâng cao thu nhập cho các hộ gia đình.

Chất lượng nguồn lao động, như các kỹ năng, tri thức, khả năng làm việc và sức khỏe tốt, tất cả cộng lại tạo thành những điều kiện giúp con người theo đuổi các chiến lược sinh kế khác nhau và đạt được các mục

tiêu sinh kế. Huyện Thoại Sơn đã chú trọng công tác đào tạo và chuyển đổi nghề nghiệp và việc làm. Địa phương đã có những chương trình như “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”, kết quả triển khai cho 13/17 xã, thị trấn, với trên 1.000 lao động tham gia (đối tượng là hộ nghèo và gia đình chính sách). Ngoài ra, còn phối hợp với các cơ sở dạy nghề trong và ngoài huyện tổ chức các mô hình dạy nghề điểm như: Phi nông nghiệp (thợ hồ - thợ nề) ở 2 xã (Ôc Eo và Vĩnh Phú) mở được 2 lớp, nông nghiệp ở 2 xã (Vĩnh Phú 1 lớp, Bình Thành 1 lớp) mở được 02 lớp. Tính đến tháng 1 năm 2013 toàn huyện có 1.952 lao động tham gia học nghề, nâng tỷ lệ lao động trong độ tuổi qua đào tạo nghề của toàn huyện là 22,05% tương đương với 21.962 lao động [5] . Do đó có nhiều lao động tham gia học nghề, tự tạo việc làm, có thu nhập ổn định, cải thiện cuộc sống; góp phần chuyển đổi cơ cấu lao động trong lĩnh vực nông, ngư nghiệp.

Như vậy, có thể khẳng định huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang có nguồn lao động dồi dào và chất lượng nguồn lao động đang ngày càng nâng lên, đây là yếu tố thuận lợi cho việc phát triển ngành nghề, tăng thu nhập, nâng cao mức sống cho người dân.

Nguồn vốn xã hội (mối quan hệ cộng đồng, mạng lưới, nhóm, kiến thức địa phương,...): Trong nghiên cứu này, nguồn vốn xã hội được xem xét trên các khía cạnh như: quan hệ trong gia đình, tập quán và văn hóa địa phương, các luật tục và thiết chế cộng đồng, khả năng tiếp cận và cập nhật thông tin của người dân đối với sản xuất và đời sống. Cán bộ địa phương có vai trò tích cực trong việc truyền tải thông tin đến người dân. Nguồn cung cấp thông tin đóng vai trò quan trọng đối với nguồn lực xã hội, nó được thể hiện qua sự trao đổi qua lại, mạng lưới cung cấp thông tin và khả năng truyền tải các thông tin. Những thông tin giữa người trong cộng đồng với người ngoài cộng đồng, giữa những người có tiếp cận với nhiều thông tin ở trong cộng đồng với các thành viên khác trong cộng đồng... Một mạng lưới thị trường nông sản vận hành tốt, các bên tham gia đều được hưởng lợi công bằng sẽ bền vững, còn nếu có sự mất công bằng thì mạng lưới sẽ kém bền vững. Nhà nước có chủ trương

chính sách phát triển các tổ chức quần chúng, thu hút các hội viên tham gia, thông qua các tổ chức đoàn thể để phát triển sản xuất, tăng cường mối liên kết của cộng đồng, giúp đỡ nhau lúc hoạn nạn, hoà giải, đảm bảo an ninh trật tự... Trong thời gian gần đây các tổ chức đoàn thể còn được uỷ thác cho vay vốn nhằm giúp người dân phát triển sản xuất. Quan hệ của người dân trong cộng đồng, những sinh hoạt cộng đồng giúp người dân tăng cường nguồn lực xã hội. Tham gia vào các tổ chức đoàn thể cũng là yếu tố mang lại lợi ích gián tiếp cho việc sản xuất, kinh doanh của hộ. Các tổ chức đoàn thể chủ yếu là Hội nông dân, Hội phụ nữ, Hội cựu chiến binh và Đoàn thanh niên. Người dân tham gia các đoàn thể cũng mang lại khá nhiều lợi ích như: các đoàn thể đứng ra tín chấp cho hộ nông dân vay vốn, tuyên truyền chính sách xã hội, tập huấn kiến thức trong sản xuất kinh doanh...

Mạng lưới quan hệ gia đình, dòng họ của người dân địa phương khá mạnh. Việc lan toả thông tin trong cộng đồng và hộ gia đình đóng vai trò quan trọng đối với việc nâng cao vốn xã hội của người dân. Nếu thông tin được truyền tải kịp thời, đúng đối tượng, đúng trọng tâm sẽ giúp người dân tăng khả năng hiểu biết về sản xuất, xu thế thị trường, hiểu biết xã hội, làm tăng sự tự tin, nâng cao hiệu quả sản xuất...

Nguồn vốn tự nhiên là cơ sở tài nguyên cho sản xuất và sinh sống của con người. Thoại Sơn là huyện có địa hình khá đa dạng, gồm cả địa hình đồng bằng và địa hình núi. Địa hình của huyện Thoại Sơn có độ cao thấp dần theo hướng Đông Bắc - Tây Nam. Khu vực đồng bằng có cao độ trung bình dao động trong khoảng 0,8 - 1,2m, thuận lợi cho việc tưới tiêu trong sản xuất nông nghiệp. Nơi có địa hình cao nhất tập trung chủ yếu ở thị trấn Núi Sập, thị trấn Óc Eo, xã Vọng Đông và một phần xã An Bình, trong đó núi Ba Thê thuộc thị trấn Óc Eo có cao độ đến 221m. Địa hình núi cùng với cụm di tích văn hóa Óc Eo độc đáo tạo cho huyện có nhiều tiềm năng trong phát triển dịch vụ - du lịch.

Đất là địa bàn sinh sống và hoạt động kinh tế, tài nguyên quan trọng nhất cho sản xuất nông nghiệp. Ở

Thoại Sơn phân bố 3 nhóm đất chính: Nhóm đất cát núi, nhóm đất phù sa và nhóm đất phèn, trong đó đất phù sa chiếm phần lớn diện tích của huyện. Nhìn chung, đất có tầng dày, độ phì khá thuận lợi cho canh tác nông nghiệp (trồng lúa nước, nuôi trồng thủy sản, cây lâu năm...) [6].

Khí hậu nhiệt đới gió mùa với lượng ẩm dồi dào và cường độ bức xạ lớn quanh năm thuận lợi cho phát triển ngành trồng trọt. Hệ thống sông, kênh, rạch khá thuận lợi cho việc cung cấp nguồn nước mặt quanh năm, đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất và sinh hoạt. Kênh Thoại Hà còn gọi là kênh Rạch Giá - Long Xuyên, nối Sông Hậu tại Long Xuyên kéo dài theo hướng Tây Nam, tiếp giáp với sông Kiên Giang đổ ra biển Tây tại cửa biển Rạch Giá. Ngoài ra còn có nhiều kênh rạch tự nhiên vừa phục vụ cho tưới tiêu trong sản xuất, vừa phục vụ cho sinh hoạt và giao thông đường thủy. Hệ thống kênh đào gồm các kênh chính như: Kênh rạch Thoại Sơn - Tri Tôn, Kênh Tân Vọng, Kênh Trục, Kênh Bốn Tổng... Hệ thống kênh mương trên địa bàn huyện đóng vai trò quan trọng trong việc cải tạo đất, cung cấp lượng phù sa màu mỡ và là hệ thống thoát lũ ra biển Tây. Bên cạnh đó, nguồn nước mưa tương đối lớn thuận lợi cho việc tích trữ sử dụng trong sinh hoạt và sản xuất nông nghiệp.

Nguồn vốn vật chất (cơ sở hạ tầng, vật chất, kỹ thuật, phương tiện sản xuất): Nguồn vốn vật chất được phân chia làm 2 loại, đó là tài sản của cộng đồng và tài sản của hộ. Tài sản của cộng đồng trong nghiên cứu này xem xét các cơ sở vật chất cơ bản phục vụ nhu cầu sản xuất và sinh hoạt như: điện, đường giao thông, trường học, trạm y tế, công trình thủy lợi, thông tin liên lạc. Tài sản của hộ trong nghiên cứu này khá phong phú bao gồm cả các tài sản phục vụ sản xuất và các tài sản phục sinh hoạt.

Trong những năm qua, được sự hỗ trợ của Chính phủ, các tổ chức trong nước và quốc tế thông qua các chương trình, dự án, nhiều địa phương đã nâng cấp được hệ thống đường giao thông, thủy lợi, xây dựng mới được trường học, trạm xá, nhà văn hoá thôn, xã, các loại thiết bị giáo dục và y tế đã được bổ sung...

nhờ đó mà việc đi lại của bà con nông dân đã bớt khó khăn hơn, hệ thống trường học và trạm y tế, nhà sinh hoạt cộng đồng được cải thiện cả về chất lượng và số lượng, cục diện nông thôn có những thay đổi rõ rệt.

Về giao thông đường bộ có tuyến tỉnh lộ 943 nối từ thành phố Long Xuyên đi qua các thị trấn Phú Hòa, Núi Sập, Óc Eo đến huyện Tri Tôn và nối theo tỉnh lộ để đi Tịnh Biên và Châu Đốc. Trong thời gian qua, bằng nhiều nguồn kinh phí, Thoại Sơn đã đầu tư nâng cấp và mở rộng hệ thống giao thông nông thôn. Toàn huyện có 486 km đường nông thôn đã được bê tông và nhựa hóa, 255 km đèo đường nông thôn. Đã xây dựng 122 cầu sắt và bê tông, đã cơ bản xóa xong cầu ván trên các tuyến chính từ huyện đến các xã đáp ứng được nhu cầu đi lại của nhân dân. Về giao thông đường thủy có kênh Thoại Hà còn gọi là kênh Rạch Giá - Long Xuyên, kéo dài theo hướng Tây Nam, ngang qua chân Núi Sập, tiếp với sông Kiên Giang để đổ ra biển Tây tại cửa biển Rạch Giá. Ngoài ra, hệ thống kênh rạch chằng chịt hàng năm còn cung cấp một lượng phù sa lớn cho đất đai Thoại Sơn thêm màu mỡ. Do nằm trong vùng Tứ giác Long Xuyên, chịu ảnh hưởng trực tiếp của chế độ dòng chảy sông Cửu Long, với nguồn nước ngọt phong phú, có lượng phù sa dồi dào nên đất đai màu mỡ, khí hậu nóng ẩm quanh năm thích hợp cho sự phát triển sản xuất nông nghiệp đa dạng.

Tất cả các ấp đều có điện, tỷ lệ hộ sử dụng điện đạt gần 94,5%, toàn huyện có 14 nhà văn hóa/17 xã - thị trấn, trang thiết bị âm thanh, ánh sáng, nhạc cụ được trang bị đủ để phục vụ cho các hoạt động của các xã, hệ thống truyền thanh 17/17 xã, thị trấn. Về ý tế, đến cuối năm 2012 đã xây dựng mới và đưa vào sử dụng các công trình trạm y tế xã, thị trấn như Tây Phú, Phú Hòa, Bình Thành, Định Thành, Óc Eo, Vọng Đông, Định Mỹ [7]. Nhìn chung, hệ thống trường học, trạm xá, chợ nông thôn, nhà văn hoá thôn... đã đáp ứng đủ nhu cầu học tập và khám chữa bệnh cho nhân dân, nâng cao chất lượng sức khỏe thể chất và tinh thần của cộng đồng.

Trong sản xuất nông nghiệp, việc ứng dụng các sản phẩm khoa học công nghệ được nông dân áp

dụng rộng rãi và đầu tư cơ giới hóa nông nghiệp được tính xếp hàng đầu với các loại máy gặt liên hợp, dụng cụ sạ hàng, các cơ sở sấy lúa và máy gặt xếp dẫy. Trên địa bàn huyện được tính chọn xây dựng trại giống lúa qui mô sản xuất trên 80 ha cung cấp mỗi năm hàng trăm tấn lúa giống chất lượng cao cho cả vùng [8]. Ngoài ra có các câu lạc bộ nông dân tổ chức xã hội hóa nhân giống lúa đạt tiêu chuẩn, chất lượng xuất khẩu và hàng năm cung cấp lúa giống cho nông dân trong toàn huyện.

Theo kết quả khảo sát định lượng về các hộ gia đình có sử dụng thiết bị máy móc trong sản xuất nông nghiệp tại huyện Thoại Sơn cho thấy người dân đã sử dụng các loại máy móc vào trong sản xuất nông nghiệp để nâng cao năng suất, chất lượng, đặc biệt loại máy móc sử dụng nhiều là máy cày, máy bơm nước, ghe, xuồng chuyên chở, máy xới, máy tuốt lúa... Người dân sử dụng các loại máy móc trên phục vụ sản xuất nông nghiệp từ trước những năm 2000 và trong thời gian gần đây.

Trong sản xuất nông nghiệp người dân địa phương đa số sử dụng các công cụ hoàn toàn cơ giới chiếm (37,9%), hoặc cơ giới hóa một nửa (26,1%), chỉ có (3,9%) trong số những người được hỏi sử dụng thuần túy sức người. Những gia đình có nghề phụ, tỷ lệ gia đình có sử dụng máy móc là (13,2%); tỷ lệ lớn người dân không sử dụng máy móc phục vụ công việc chiếm (86,8%). Trong số những gia đình có sử dụng máy móc cho việc làm nghề phụ, có (66,6%) máy móc người dân mua mới nguyên, mua lại là (25,0%), người dân không nhớ rõ mua máy mới hay mua lại chiếm (8,4%).

Nguồn vốn tài chính (nguồn vốn): Những khó khăn về tài chính làm cho khả năng vươn lên của kinh tế hộ bị giảm sút. Muốn cải thiện được kinh tế của các gia đình, việc tăng đầu tư nhằm mở rộng quy mô sản xuất, tăng năng suất và chất lượng sản phẩm là một nhu cầu tất yếu.

Vốn là yếu tố quan trọng có vai trò quyết định trong sản xuất kinh doanh và tiêu dùng của mọi đối tượng tham gia sản xuất. Kết quả khảo sát về tình hình vay vốn làm ăn ở các xã thuộc huyện Thoại Sơn

cho thấy có (44,4%) trong số những hộ gia đình được hỏi có vay vốn để làm ăn, trong khi đó có (55,6%) không vay vốn.

Nguồn vay vốn của người dân chủ yếu từ ngân hàng (64,0%), thứ hai từ quỹ tín dụng (27,2%), ngoài ra người dân vay vốn từ dự án, tư nhân, người thân, bạn bè, đoàn thể... nhưng chiếm tỷ lệ không cao, tuy không phải trả lãi suất nhưng chỉ vay được số tiền rất ít với thời gian ngắn để phục vụ chi tiêu sinh hoạt trước mắt chứ không đáp ứng được nhu cầu cho sản xuất.

Đa số người dân huyện Thoại Sơn, vay vốn từ các nguồn để đầu tư vào lĩnh vực trồng trọt (58,8%). Một bộ phận người dân vay vốn để mua trang thiết bị (17,6%), phát triển chăn nuôi (14,7%).

Vay vốn để đầu tư vào những lĩnh vực cần thiết là nhu cầu của nhiều hộ gia đình. Có 17,0% trong số những người được hỏi cho biết họ rất cần vay vốn nữa, 32,7% cần vay vốn. Chỉ có 10,1% trả lời không cần vay vốn. Một bộ phận người dân chưa quyết định có vay vốn hay không khi được hỏi về vấn đề này.

Với trình độ dân trí như hiện nay việc tập huấn sử dụng đồng vốn sao cho có hiệu quả là một nhu cầu quan trọng và cần thiết. Việc thường xuyên mở các lớp tập huấn kiến thức sử dụng vốn sau khi vay cho hộ gia đình thực sự là nhân tố hỗ trợ có tác động tích cực đến hiệu quả sử dụng vốn của mọi nhóm hộ.

Nguồn lực tài chính được coi như là một đòn bẩy góp phần phát huy các nguồn lực khác. Tỷ lệ hộ chọn vay vốn đối với Ngân hàng Chính sách Xã hội rất thấp, điều này cho thấy khả năng tiếp cận các nguồn vốn chính thức của hộ dân vẫn còn hạn chế. Kết quả nghiên cứu của các tác giả cho thấy, các nhân tố ảnh hưởng đến nhu cầu tín dụng chính thức của các hộ gia đình là: trình độ học vấn của chủ hộ, số thành viên trong gia đình, loại hộ, việc tham gia tổ chức xã hội, loại hình nghề nghiệp của hộ. Đối với số ít các hộ gia đình người Chăm ở Thoại Sơn thì các nhân tố ảnh hưởng đến nhu cầu tín dụng chính thức là: trình độ học vấn của chủ hộ, số thành viên trong hộ, diện

tích đất của hộ, loại hộ nghèo và tham gia sản xuất nông nghiệp.

3. Nguồn lực tác động đến sinh kế của người dân huyện Thoại Sơn

Dưới tác động của các nguồn lực, sinh kế của cộng đồng dân cư huyện Thoại Sơn nói chung đã có sự thay đổi sâu sắc. Sự thay đổi này vừa trên góc độ vĩ mô toàn huyện nhưng đồng thời vừa trên góc độ vi mô của từng hộ gia đình. Sự thay đổi đó có thể nhìn thấy qua chất lượng cuộc sống và đánh giá của người dân về sự thay đổi mức sống của các hộ gia đình ở Thoại Sơn.

Việc sử dụng các nguồn lực phản ánh tổng hợp qua thực trạng sinh kế và mức sống của dân cư. Hiện nay có nhiều tiêu chí để đánh giá chất lượng cuộc sống của một cộng đồng. Những tiêu chí này được xây dựng tùy thuộc vào mỗi quốc gia, đặc điểm tập quán riêng của mỗi cộng đồng dân cư, song các tiêu chí chủ yếu xoay quanh việc thỏa mãn nhu cầu về đời sống vật chất và nhu cầu về đời sống tinh thần của con người. Đời sống tinh thần là sự thỏa mãn về nhu cầu học hỏi nâng cao trình độ tri thức, nhu cầu vươn đến cái chân thiện mỹ của con người. Nó được thể hiện qua các hoạt động giải trí vui chơi, lễ hội, thể dục thể thao... Đời sống vật chất là sự đáp ứng về các phương tiện vật chất sinh hoạt hằng ngày như nhà cửa, phương tiện sinh hoạt, các thiết bị tiện nghi trong gia đình... Để đánh giá về chất lượng cuộc sống của cộng đồng dân cư huyện Thoại Sơn, nghiên cứu khảo sát các tiêu chí về loại nhà ở, các phương tiện sinh hoạt trong hộ và nhận định về cuộc sống.

Thu nhập: Nguồn thu nhập chính của các hộ gia đình trong khảo sát này từ nông nghiệp chiếm tới (73,9%). (13,1%) trong số những người có thu nhập chính từ làm nghề dịch vụ/buôn bán; lương/phụ cấp. Một số người có thu nhập chính từ làm thủy sản 16 hộ, chiếm 5,2%. Bên cạnh đó, nhiều người cũng đi làm thuê cho các nhà máy, xí nghiệp, cơ sở sản xuất, làm tự do để có nguồn thu nhập chính chiếm 10,1%.

Nguồn thu nhập chính của gia đình hiện nay nhìn chung cao hơn so với trước năm 2000. Nguồn thu

nhập hiện nay và trước năm 2000 chủ yếu vẫn từ trồng trọt (trồng lúa, rau, màu các loại), tuy nhiên tỷ lệ hiện nay cao hơn so với trước năm 2000 (69,3% so với 48,4%) (bảng 1). Thu nhập hiện nay từ làm công tự do là (13,7%), trước năm 2000 là (7,5%). Thu nhập từ buôn bán - dịch vụ hiện nay (12,4%), cao hơn trước năm 2000 (6,2%). Một số hộ có thu nhập từ nuôi trồng thủy sản, đánh bắt hoặc chăn nuôi gia súc, gia cầm...

Nhà ở: đây là một yếu tố rất quan trọng trong cuộc sống, nơi để gia đình cư trú, nơi để thờ cúng tổ tiên và cũng là tiêu chí đầu tiên để đánh giá tình hình kinh tế của mỗi hộ. Với kết quả điều tra cho thấy, tỷ lệ nhà kiên cố, bán kiên cố tăng lên 52%, nhà đơn sơ giảm

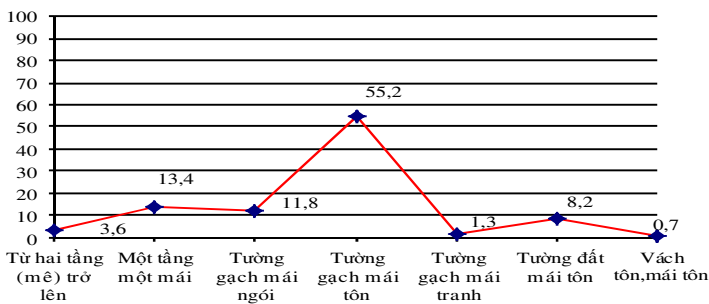
còn 11% (biểu đồ 1). Sự tác động tích cực của việc thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Nhà nước, đã tạo điều kiện cho người dân huyện Thoại Sơn nói chung và cộng đồng dân tộc người Chăm và các gia đình thuộc diện hộ nghèo được cấp nhà, chương trình cụm tuyến dân cư vượt lũ, xây dựng nhà Đại đoàn kết, nhà tình thương, nhà tình nghĩa...

Loại nhà ở chủ yếu của người dân địa phương là tường gạch, mái tôn chiếm tới 55,2%; loại nhà một tầng một mái là 13,4%; tường gạch mái ngói là 11,8%, loại nhà từ 2 tầng trở lên chỉ có 3,6%, một số hộ còn xây nhà bằng tường đất mái tôn (8,2%).

Bảng 1. Nguồn thu nhập chính của các hộ gia đình hiện nay và trước năm 2000 (%)

Nguồn thu nhập	Hiện nay	Trước 2000
Trồng trọt (làm lúa, rau, màu các loại)	69,3	48,4
Nuôi trồng thủy sản, đánh bắt	5,9	3,9
Chăn nuôi gia súc, gia cầm	7,5	6,2
Tiểu thủ công nghiệp	1,0	0,0
Chế biến nông thủy sản	0,0	0,0
Lương hưu, trợ cấp chính sách	2,9	0,7
Buôn bán - dịch vụ	12,4	6,2
Cho thuê nhà, cửa hàng	0,3	0,0
Làm công cho khu công nghiệp	0,7	0,3
Làm công tự do	13,7	7,5

(Nguồn: Kết quả khảo sát tháng 5/2014 tại huyện Thoại Sơn, An Giang)



Biểu đồ 1. Loại nhà ở của người dân (%)

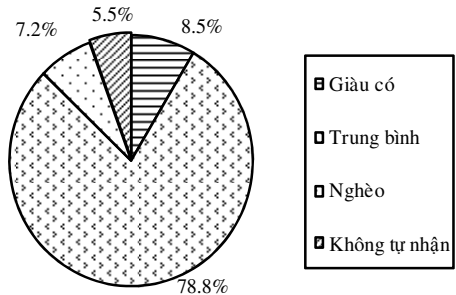
(Nguồn: Kết quả khảo sát tháng 5/2014 tại huyện Thoại Sơn, An Giang)

Tiện nghi sinh hoạt: Phương tiện sinh hoạt là một trong các yếu tố thỏa mãn nhu cầu thiết yếu của cuộc sống. Nếu như hộ nào có nhiều và đa dạng phương tiện sinh hoạt thì chất lượng cuộc sống của hộ đó được nâng cao và ngược lại. Số liệu thống kê số lượng đồ dùng sinh hoạt trong gia đình của người dân ở huyện Thoại Sơn, cho thấy đa số người dân đã có đầy đủ các đồ dùng trong gia đình để phục vụ nhu cầu cho sinh hoạt và sản xuất hàng ngày. Có loại đồ dùng có nhiều gia đình sử dụng 2, 3 chiếc như: giường ngủ, bàn ghế, ti vi, quạt máy, xe gắn máy, nồi cơm điện, điện thoại bàn và điện thoại di động. 23,7% hộ có bếp gas, 6,8% hộ có tủ lạnh, 55,9% hộ có đầu đĩa và 8,5% hộ có máy may. Những phương tiện này giúp cho việc sinh hoạt trong gia đình thuận

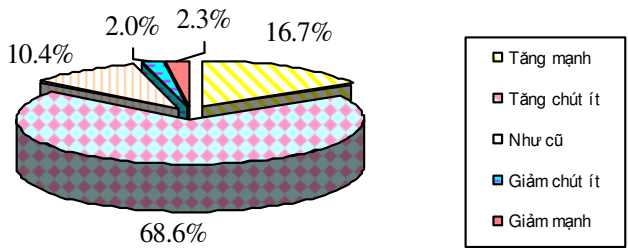
tiện hơn. Nhìn chung, phương tiện sinh hoạt trong gia đình của người dân vẫn còn thiếu thốn.

Theo kết quả khảo sát định lượng cho thấy, phần lớn người dân đều nhận định về cuộc sống hiện tại tốt hơn so với trước. Tuy nhiên, một vấn đề rất đáng quan tâm là vẫn có một số hộ nhận định cuộc sống hiện tại kém hơn so với trước đây. Phần lớn số hộ này thuộc nhóm hộ nghèo, không đất sản xuất, thiếu thốn phương tiện hỗ trợ sản xuất kinh doanh nên cuộc sống gặp rất nhiều khó khăn.

Đánh giá về mức sống: Phần lớn người dân đều tự nhận mức sống của gia đình mình so với các gia đình khác ở địa phương ở mức độ trung bình, chiếm tới (78,8%). Tỷ lệ hộ giàu có chỉ (8,5%), hộ nghèo là (7,2%) (biểu đồ 2).



Biểu đồ 2. Mức sống của hộ gia đình
(Nguồn: Kết quả khảo sát tháng 5/2014 tại huyện Thoại Sơn, An Giang)



Biểu đồ 3. Mức sống của hộ gia đình hiện nay so với trước năm 2000
(Nguồn: Kết quả khảo sát tháng 5/2014 tại huyện Thoại Sơn, An Giang)

Nhìn chung mức sống của các gia đình ở huyện Thoại Sơn hiện nay so với trước năm 2000 đều có tăng, trong đó tỷ lệ hộ cho rằng mức sống tăng mạnh chiếm 16,7%, tăng ít chiếm đa số với 68,6% (biểu đồ

3). Bên cạnh đó, một số hộ cho rằng mức sống so với trước năm 2000 vẫn như cũ (10,4%), thậm chí 2,0% trong số những người được hỏi phản ánh mức sống của gia đình so với trước năm 2000 giảm chút ít, giảm

mạnh chiếm 2,3%. Số liệu trên cho thấy, đa số người dân đều nhận thấy cuộc sống của họ có thay đổi hơn so với trước năm 2000, một số mặt người dân thấy có thay đổi nhiều, một số thay đổi ít, nhưng đã mang lại cuộc sống thoải mái hơn cho họ so với trước năm 2000.

Đời sống tinh thần: Khi kinh tế gia đình phát triển, mức sống được nâng lên, cuộc sống được cải thiện, người dân có điều kiện hưởng thụ và chăm lo cho cuộc sống hơn, điều kiện sinh hoạt văn hóa tăng lên rất nhiều. So với năm 2000, tỉ lệ gia đình có các phương tiện nghe nhìn tăng lên rõ rệt. Hầu như gia đình nào cũng có tivi, radio, đầu video, karaoke, báo chí, sách tuy không dễ tìm như trong các thị trấn nhưng cũng khá phổ biến, nhất là các phương tiện nghe nhìn.

Việc sử dụng thời gian nhàn rỗi của người dân trở nên đa dạng và phong phú hơn. Nếu như trước đây khi có thời gian rảnh rỗi người dân thường đi thăm họ hàng, sang nhà hàng xóm chơi cờ, uống nước, trò chuyện, thì hiện nay, nếu có thời gian họ còn có thể tham gia nhiều hoạt động văn hoá tinh thần khác trong và ngoài gia đình.

Kết quả khảo sát về việc sử dụng thời gian rỗi của người dân cho thấy, đa số họ khẳng định khi có thời gian rảnh rỗi họ sẽ tiếp cận với các hoạt động văn hóa giải trí. Điều đặc biệt thú vị là có tới 61,1% tỷ lệ người dân trong cuộc khảo sát của chúng tôi chọn hình thức giải trí là đọc sách, 59,5% chọn phương án đi chơi, gặp gỡ bạn bè khi có thời gian, 58,6% xem băng đĩa, video vì nhiều gia đình ở Thoại Sơn có phương tiện này. Ngoài ra một số hoạt động khác như đến các điểm vui chơi giải trí, ngủ, nghỉ ngơi, đi du lịch, chơi thể thao cũng được nhiều người dân lựa chọn nếu có thời gian rảnh rỗi.

Thời gian gần đây, một số hoạt động văn hóa truyền thống đã được khôi phục và phát triển, đặc biệt các đình, chùa, miếu, đền được tôn tạo, tu sửa đẹp mắt, tạo điều kiện cho dân cư đến văn cảnh thăm quan. Hoạt động lễ hội truyền thống của làng cũng được nhiều gia đình tích cực tham gia (65,9%). Đặc biệt, trong quá trình phát triển kinh tế xã hội ở Thoại

Sơn đã có nhiều thay đổi, từ không gian cư trú, nghề nghiệp, học vấn, tuổi tác, giới tính đã hình thành các mức sống khác nhau, mà nó được biểu hiện bằng vốn đất đai, công cụ sản xuất, nhà cửa tiện nghi, phương tiện văn hóa và thu nhập.

4. Một số giải pháp phát triển nguồn lực nhằm ổn định sinh kế bền vững cho người dân

Để bảo đảm ổn định đời sống cho người dân, trong thời gian tới Thoại Sơn cần tập trung vào một số giải pháp sau đây nhằm phát triển nguồn lực, ổn định sinh kế bền vững cho cộng đồng dân cư.

Thứ nhất: giải pháp về nguồn lực con người. Trình độ học vấn của chủ hộ và lao động trong hộ gia đình có tác động mạnh đến việc phát huy các nguồn lực phát triển sinh kế của hộ gia đình, chính vì thế phải nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là nhân lực phục vụ cho phát triển nông nghiệp. Việc này được thực hiện: (1) Mở rộng mạng lưới các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông ở cấp huyện và liên xã; đẩy mạnh sự nghiệp giáo dục mầm non trên địa bàn mỗi xã; đào tạo đội ngũ cán bộ giảng dạy cả về số lượng lẫn chất lượng; thành lập quỹ khuyến học riêng nhằm hỗ trợ con em các hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn được đến trường; (2) Vận động người dân tham gia phổ cập giáo dục nâng cao trình độ tri thức, thành lập các câu lạc bộ đọc sách, xây dựng thư viện, mở lớp giáo dục thường xuyên bồi dưỡng trình độ văn hóa cho người dân, đặc biệt chú trọng đối tượng người nghèo; huy động tối đa trẻ em trong độ tuổi được đi học ở tất cả các bậc học, hạn chế tình trạng bỏ học của học sinh trong độ tuổi trung học cơ sở và trung học phổ thông.

Thứ hai: giải pháp về nguồn vốn tài chính. Từ kết quả phân tích cho thấy, biến vay vốn mặc dù không có ý nghĩa thống kê nhưng có tương quan thuận với thu nhập của người dân, đồng thời tỷ lệ hộ dân thiếu vốn để sản xuất kinh doanh là rất cao (50%). Cần gia tăng đầu tư từ ngân sách nhà nước và huy động mọi nguồn lực đầu tư vào hệ thống cơ sở hạ tầng, vật chất, kỹ thuật, phương tiện sản xuất trong toàn huyện. Giải quyết được vấn đề này mới có cơ hội

thu hút đầu tư, tạo việc làm, đặc biệt là trong phát triển các ngành nghề phi nông nghiệp gắn với lợi thế của huyện nhằm nâng cao thu nhập, ổn định sinh kế bền vững cho người dân. Mặt khác, thiếu vốn sẽ hạn chế khả năng phát huy các nguồn lực sinh kế và tham gia các hoạt động tạo thêm thu nhập cho người dân vì thế cần một giải pháp về tài chính cho người dân, có thể tham khảo ý kiến sau: (1) Đa dạng hóa các loại hình hỗ trợ tín dụng cho người dân; (2) Mở rộng hoạt động tín dụng cho hộ dân nghèo, về số lượng tiền vay, thủ tục và thời hạn vay, phải gắn chặt với các đoàn thể, chính quyền địa phương và hệ thống khuyến nông, để đáp ứng đầy đủ nhu cầu vốn của người dân; (3) Hỗ trợ cho những hộ dân thiếu tư liệu, thiếu đất hoặc không có đất sản xuất bằng vốn vay ưu đãi, cấp đất sản xuất phù hợp với địa bàn, ngành nghề và điều kiện sản xuất cụ thể.

Thứ ba: giải pháp về phát huy nguồn vốn xã hội. Cần tăng cường mối liên kết giữa các xã trong toàn huyện cũng như mối liên kết giữa các huyện của An Giang và rộng hơn là liên kết giữa các tỉnh thành ở đồng bằng sông Cửu Long trong tiêu thụ nông sản và phát triển các hoạt động công nghiệp chế biến để gia tăng giá trị sản phẩm và tạo việc làm. Bên cạnh đó, cần khuyến khích các hình thức bảo hiểm trong nông nghiệp để người nông dân yên tâm trong sản xuất, phát triển kế sinh nhai.

5. Kết luận

Qua phân tích thực trạng nguồn lực, đời sống của người dân ở Thoại Sơn cho thấy, Thoại Sơn có ưu thế về nguồn lực tự nhiên và nguồn vốn xã hội. Thoại Sơn có tài nguyên đất, tài nguyên nước phong phú, tài nguyên khí hậu nhiệt đới với lượng bức xạ lớn thuận lợi cho phát triển nông nghiệp và ngư nghiệp. Mối quan hệ gia đình, dòng họ, cộng đồng, các đoàn thể, sự gắn kết giữa doanh nghiệp và người sản xuất tạo điều kiện cho sự trao đổi thông tin, nắm bắt thị trường, thúc đẩy sản xuất và kinh doanh của hộ gia đình. Tuy vậy, ở Thoại Sơn nguồn nhân lực và vốn tài chính vẫn còn rất hạn chế.

Nhờ kinh tế phát triển, đời sống của người dân không ngừng được cải thiện. Nguồn thu nhập của các hộ gia đình vẫn chủ yếu từ nông nghiệp. Sự tham gia của các hộ gia đình vào hoạt động dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp và du lịch vẫn còn ở dạng tiềm năng. Bên cạnh một số hộ khá giả, đời sống vật chất đầy đủ vẫn còn một số hộ dân tộc gặp khó khăn do thiếu các vật dụng sinh hoạt và dịch vụ công cộng. Để đảm bảo sinh kế hộ gia đình được cải thiện và bền vững cần thực hiện đồng bộ các giải pháp khai thác, sử dụng hợp lý các nguồn lực sinh kế, trong đó chú trọng giải pháp nâng cao chất lượng nguồn lao động, tạo nguồn vốn, đa dạng hóa hoạt động tạo thu nhập, gắn kết sản xuất với chế biến và thị trường tiêu thụ.

Household livelihood resources in Thoai Son District, An Giang Province

- **Vo Van Sen**
University of Social Sciences and Humanities, VNU-HCM

- **Truong Quang Hai**
- **Bui Van Tuan**
Institute of Vietnamese Studies and Development Sciences (IVIDES), VNU Hanoi

ABSTRACT:

The paper provides analysis on livelihood resources applied to the case of Thoai Son District. Sociological investigation together with annual socio-economic statistics has been employed in order to assess the underlying state and role of livelihood resources to Thoai Son households, particularly focusing on resource characteristics (human resources, social capital, natural capital, physical capital and financial capital), resource approaches and livelihood strategies. The people’s life quality was assessed on key aspects such as income,

residential house, living facilities, improvement in living standards and spiritual life. Favorable factors as well as constraints to household livelihood development were determined, entailing solutions on livelihood enhancement and sustainability for Thoai Son community given the current context of integration and development. Main solutions proposed cover areas such as human resources, diversification of income-generating activities and financial matters.

Keywords: livelihood resources, quality of life, household, Thoai Son

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Chambers, R. and Conway G.R., *Sustainable Rural Livelihoods: Practical Concepts for the 21st Century*, IDS Discussion Papers, Publisher IDS, 1991.

[2] Chambers, Robert, *Rural Development: Putting the Last First*, Longman Scientific & Technical, co-published in the United States with John Wiley & Sons, Inc., New York, 1993.

[3] Ellis, Frank, *Rural Livelihoods and Diversity in Developing Countries*, Oxford University Press, Oxford, 2000.

[4] UBND huyện Thoại Sơn, *Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Thoại Sơn đến năm 2020*.

[5] Phòng LĐ-TB-XH huyện Thoại Sơn, *Báo cáo tình hình thực hiện công tác đào tạo nghề, việc làm, chính sách người có công và xã hội năm 2012*.

[6] Trương Quang Hải, Trần Thanh Hà, Giang Văn Trọng, *Tiếp cận liên ngành trong phân tích sử dụng tài nguyên thiên nhiên huyện Thoại Sơn, Tỉnh An Giang*. Kỷ yếu Hội nghị Địa lý toàn quốc lần thứ 7. Nxb Đại học Thái Nguyên, 2013.

[7] UBND huyện Thoại Sơn, *Báo cáo tổng kết phát triển kinh tế xã hội hàng năm (từ 2000 đến 2012)*. và phát triển nông thôn năm 2012, kế hoạch sản xuất năm 2013, Thoại Sơn, An Giang, 2013.

[8] UBND huyện Thoại Sơn, *Báo cáo về việc Đánh giá kết quả hoạt động ngành nông nghiệp*